



Thuốc bán theo đơn

Alpha-CHYMOTRYPSIN

VIÊN NÉN

1 THÀNH PHẦN

Cho một viên nén

Chymotrypsin (alpha - chymotrypsin) 4200 đơn vị USP (21 microkatal)

Tá dược vđ 1 viên nén
(Đường trắng, tinh bột lúa mì, povidon K30, silica colloidal anhydrous, acid stearic, tinh dầu bạc hà)

2 CÁC ĐẶC TÍNH DƯỢC LÝ

Các đặc tính dược lực học

Chymotrypsin là enzym thủy phân protein có tác dụng xúc tác chọn lọc đối với các liên kết peptid ở liền kề các acid amin có nhân thơm. Chymotrypsin được sử dụng nhằm giảm viêm và phù mô mềm do áp xe và loét hoặc do chấn thương, và nhằm giúp làm lỏng các dịch tiết đường hô hấp trên ở người bệnh hen, viêm phế quản, các bệnh phổi và viêm xoang.

Các đặc tính dược động học

Chymotrypsin là một men tiêu hóa phân hủy các protein (còn gọi là men tiêu protein hay protease).

Trong cơ thể con người, chymotrypsin được sản xuất tự nhiên bởi tuyến tụy. Tuy nhiên, chymotrypsin cũng được sử dụng như một dạng men bổ sung nhằm cải thiện sức khỏe, tiêu hóa và hỗ trợ điều trị nhiều bệnh lý khác nhau.

Men tiêu protein phân hủy phân tử protein thành dipeptid và amino acid.

3 CHỈ ĐỊNH

Điều trị phù nề sau chấn thương, phẫu thuật, bỏng.

4 LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG

Đường uống: uống 2 viên/ lần, ngày 3 - 4 lần. Nên uống thuốc với nhiều nước (ít nhất 240 ml) nhằm giúp gia tăng hoạt tính men.

Ngậm dưới lưỡi: 4 - 6 viên chia đều ra trong ngày. Để thuốc tan từ từ dưới lưỡi.

5 CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Quá mẫn với chymotrypsin hoặc bất kỳ thành phần nào của thuốc.

6 THẬN TRỌNG

Những bệnh nhân không nên điều trị các thuốc dạng men bao gồm: người bị rối loạn đông máu di truyền như hemophilia (chứng máu loãng khó đông), rối loạn đông máu, dùng thuốc kháng đông, sắp trải qua phẫu thuật, dị ứng với protein, phụ nữ có thai hoặc cho con bú, loét dạ dày.

7 SỬ DỤNG CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Không nên sử dụng chymotrypsin cho phụ nữ có thai và cho con bú.

8 TÁC DỤNG ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC

Ở liều điều trị, thuốc không ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc.

9 TƯƠNG TÁC THUỐC

Chymotrypsin thường được kết hợp với các thuốc dạng men khác để gia tăng hiệu quả điều trị. Thêm vào đó, chế độ ăn cân đối hoặc sử dụng vitamin và bổ sung muối khoáng được khuyến cáo để gia tăng hoạt tính chymotrypsin.

Một vài loại hạt như hạt đậu jojoba (ở Bắc Mỹ), đậu nành có chứa nhiều loại protein ức chế hoạt tính chymotrypsin. Tuy nhiên những protein này có thể bị bất hoạt khi đun sôi.

Không nên sử dụng chymotrypsin với acetylcystein, một thuốc dùng làm tan đàm đường hô hấp. Không nên phối hợp chymotrypsin với thuốc kháng đông vì làm gia tăng hiệu lực của chúng.

10 TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

Các tác dụng phụ thường nhẹ và thoáng qua, mất khi ngưng điều trị hoặc giảm liều: thay đổi sắc da, cân nặng, mùi phân. Một vài trường hợp có thể bị rối loạn tiêu hóa như: đầy hơi, nặng bụng, tiêu chảy, táo bón hoặc buồn nôn.

Với liều cao, phản ứng dị ứng nhẹ như đỏ da có thể xảy ra.

THÔNG BÁO NGAY CHO BÁC SĨ NHỮNG TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN GẶP PHẢI KHI SỬ DỤNG THUỐC

11 QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ LÝ

Chưa có báo cáo về sự quá liều.

12 BẢO QUẢN

Bảo quản ở nhiệt độ dưới 30°C, nơi khô, tránh ánh sáng.

13 TIÊU CHUẨN : TCCS

14 QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Hộp 2 vỉ x 10 viên nén

Hộp 10 vỉ x 10 viên nén

15 HẠN DÙNG

24 tháng kể từ ngày sản xuất.

ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG

NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN XIN HỎI Ý KIẾN CỦA BÁC SĨ

KHÔNG SỬ DỤNG THUỐC QUÁ HẠN DÙNG GHI TRÊN NHÃN

THUỐC NÀY CHỈ SỬ DỤNG THEO ĐƠN BÁC SĨ

DN2340D-07